TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Trinh**.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Quốc Sử

- ***Thư ký phiên tòa***: Chị Ngô Thị Kim Lài là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Sóc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm canh khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn S, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã B, huyện F, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Q, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường K, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn S trình bày:

Về hôn nhân vào năm 2019 chị và anh Q cưới nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng sống

hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q nhậu về hâm doạ giết chị, nhiều lần cầm dao rượt chém nên chị phải chạy qua nhà cô chú ở gần nhà để ngủ nhờ, cũng vì thế từ năm 2020 chị về quê của chị sống cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, S cảm không còn, không thể sống chung với nhau, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Q. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2017, hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con. Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Q: Đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị S.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn S. Cho chị Nguyễn S ly hôn với anh Nguyễn Q.

Về con chung: Chị Nguyễn S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2017, anh Nguyễn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn anh Nguyễn Q hiện cư trú tại Khóm 1, phường K, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không tham gia

phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Q. Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì chị S và anh Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường An Bình B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Từ khi Tòa án thụ lý đến ngày mở phiên tòa xét xử, mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng anh Q không tham gia tố tụng tại Tòa, cũng như không có bất kì tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình và phản đối yêu cầu của chị S. Điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí trong việc hàn gắn S cảm vợ chồng đối với chị S. Bên cạnh đó chị S và anh Q ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, S cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn S và anh Nguyễn Q có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2017, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Riêng anh Q không trình bày ý kiến về con chung và hiện tại chị S đang trực tiếp nuôi con, cháu Duyên còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Đồng thời, tại phiên tòa chị S khai nhận trên giấy tờ thể hiện cháu Duyên của con của anh Q, nhưng thực tế là con riêng của chị với chồng trước. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị S là hoàn toàn có căn cứ, anh Q không phải cấp dưỡng cho con. Chị Nguyễn S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Chị Nguyễn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0000541 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, chị S đã nộp xong.

[4.2] Anh Nguyễn Q không phải chịu án phí dân sự sở thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56, 71, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn S. Cho chị Nguyễn S ly hôn với anh Nguyễn Q.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn S. Chị Nguyễn S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2017. Anh Nguyễn Q không phải cấp dưỡng cho con do chị Nguyễn Thị S không yêu cầu. Chị Nguyễn S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000541 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị S đã xong.

Đương sự có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui đinh tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. C;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mai Trinh